

Số: 136 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 30 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bầy Luật ngày 13 tháng 10 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3867/TTr-CCBVMT ngày 27 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bầy Luật, địa chỉ trụ sở chính tại ấp Đất Đỏ, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2 (Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2, công suất 49.800m³ nguyên khai/năm) tại ấp Hiệp Lộc, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2 (Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2, công suất 49.800m³ nguyên khai/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Hiệp Lộc, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3702349693 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 10 năm 2020.

1.4. Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường số 4207/GXN-STNMT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường số 1328/QĐ-STNMT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Mã số thuế: 3702349693.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản (*mỏ sét gạch ngói*).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.7.1. Phạm vi:

- Tổng diện tích đất của mỏ sét tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường là 37.426,9 m², trong đó:

+ Diện tích khai trường: 36.635,8 m²;

+ Khu vực nhà văn phòng (*trong khu vực khai trường*): 110 m²;

+ Bãi thải tạm (*trong khu vực khai trường*): 2.860 m²;

+ Hành lang an toàn mương nước: 791,1 m².

1.7.2. Quy mô:

- Mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2 có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2 có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.7.3. Công suất khai thác 30.000 m³ sét nguyên khối/năm, độ sâu khai thác từ cote + 27m đến cote +5m (*trùng ứng độ sâu khai thác từ 13m phía Đông đến 22m phía Tây so với địa hình tự nhiên*).

1.7.4. Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 25/GP-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã cấp: Thời gian khai thác 11 năm, kể từ ngày ký (*đến ngày 19 tháng 01 năm 2028*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:



2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bảy Luật:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bảy Luật có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, động rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **04 năm 02 tháng 20 ngày.**

(Từ ngày 30 tháng 10 năm 2023 đến ngày 19 tháng 01 năm 2028, theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 25/GP-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bảy Luật).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2 (*Dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2, công suất 49.800m³ nguyên khai/năm*) của Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bảy Luật theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV SX-TM Bảy Luật;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Dầu Tiếng;
- Phòng TNN-KS;
- UBND xã Định Hiệp;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 136/GPMT-STNMT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác; nước mưa chảy tràn trong diện tích mỏ (phần chưa khai thác), bãi thải tạm, khu vực văn phòng, nước rửa xe với lưu lượng khoảng 232 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng mỏ của công nhân với lưu lượng 0,27 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Ván Tám chảy ra sông Thị Tính (tại ấp Hiệp Lộc, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Suối Ván Tám tại ấp Hiệp Lộc, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°): X = 1.253.775 ; Y = 577.856.

- Điểm xả nước thải ra suối Ván Tám có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 232 m³/ngày.đêm.**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác, nước mưa chảy tràn trong diện tích mỏ (phần chưa khai thác), bãi thải tạm, khu văn phòng sau xử lý được bơm theo đường ống uPVC đường kính 250mm thoát ra suối Ván Tám và chảy ra sông Thị Tính (theo văn bản thỏa thuận ký ngày 30/6/2023 của Bà Nguyễn Thị Thủy Lành (chủ khu đất thuộc thửa đất số 551, giáp ranh suối Ván Tám) về việc thống nhất cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bảy Luật đặt tuyến ống thoát nước sau xử lý của Mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2 ra suối Ván Tám).

- Hình thức xả: bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn, phụ thuộc vào lưu lượng nước phát sinh trong mỏ và thời điểm mùa mưa, mùa nắng.



Handwritten signature

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/ BTNMT ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$, cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	232	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5 - 9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	29,7		
4	COD	mg/l	74,25		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	49,5		
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95		
7	Fe tổng	mg/l	0,99		
8	Cd	mg/l	0,0495		
9	Pb	mg/l	0,099		
10	As	mg/l	0,0495		
11	Zn	mg/l	2,97		
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn trong diện tích mỏ (*phần chưa khai thác*), bãi thải tạm, khu văn phòng, nước rửa xe theo địa hình hoặc theo rãnh thoát nước (*rộng mặt 0,5m; sâu 0,5m*), sau đó cùng với nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác chảy vào hồ thu (*diện tích 1.000m², sâu 1m*) dưới đáy moong.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng mỏ của công nhân được thu gom, xử lý qua 01 bể tự hoại 03 ngăn (*dung tích chứa*

08 m³, có chống thấm), Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý số 01 (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước mưa chảy tràn trong diện tích mỏ (phần chưa khai thác), nước mưa khu vực bãi thải tạm, khu vực văn phòng, nước rửa xe => Rãnh thoát nước (rộng mặt 0,5m; sâu 0,5m) => Hồ thu (xử lý cùng nước mưa rơi trực tiếp trong moong khai thác) => Hồ lắng => Bơm (02 máy bơm, mỗi máy bơm có công suất 50 m³/giờ hoạt động luân phiên) => Nguồn tiếp nhận (suối Ván Tắm thoát ra sông Thị Tính).

- Công suất thiết kế:

+ Hồ thu: Diện tích 1.000m², sâu 1m, dung tích chứa 1.000 m³.

+ Hồ lắng: Diện tích 200 m², sâu 1m, dung tích chứa 200 m³.

+ Máy bơm nước: 02 máy (1 máy dự phòng) đặt tại hồ thu với công suất 50 m³/giờ/máy.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Công trình xử lý số 02 (nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn có chống thấm => Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công suất thiết kế: Bể tự hoại 03 ngăn chống thấm dung tích chứa 8 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống trạm bơm thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình.

- Trường hợp công trình xử lý nước thải (hồ lắng) xảy ra sự cố (nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn thải ra môi trường hoặc vỡ hồ lắng): ngưng ngay việc bơm nước từ hồ thu trong moong khai thác để khắc phục sự cố; trong trường hợp vỡ hồ lắng Công ty phải ngưng hoạt động và tập trung nhân lực, thiết bị để đắp lại hồ lắng. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các công trình xử lý nước thải, bơm và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét phòng ngừa tắc nghẽn hệ thống thoát nước vào ngày mưa.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường (*hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý*).

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất,... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

h

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 136/GPMT-STNMT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1 Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tưới nước để giảm thiểu bụi tại các khu vực khai thác, khu vực đường vận chuyển nội mỏ và đường từ mỏ ra đến đường nhựa ĐH 715, với tần suất tưới 06 chuyến/ngày vào mùa khô và 03 chuyến/ngày vào mùa mưa.

- Trồng cây xanh (1.156 cây keo, trồng 2 hàng, mỗi hàng cách 1m) quanh moong khai thác, khu vực bãi thải tạm, đường vận chuyển... để giảm phát tán bụi. Cụ thể:

+ Xung quanh khu vực moong khai thác hiện hữu với chiều dài 325 m: trồng khoảng 650 cây dọc theo đê bao phía Nam, phía Đông và phía Bắc.

+ Dọc tuyến đường vận chuyển phía Bắc mở đến khu vực trạm cân với chiều dài 173 m: 346 cây.

+ Khu vực bãi thải tạm: trồng khoảng 160 cây dọc theo ranh giới phía Tây.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng phương tiện, thiết bị tưới nước giảm thiểu bụi; dự phòng thiết bị thay thế khi phương tiện, thiết bị phun nước hư hỏng.

- Trường hợp công trình, thiết bị giảm thiểu bụi gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ ngưng hoạt động, báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục. Sau khi khắc phục xong sẽ hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

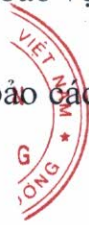
3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường



6

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi phát tán vào môi trường không khí từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



h

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 136/GPMT-STNMT ngày 30 tháng 10 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn phát sinh tại khu vực moong khai thác của mỏ sét từ hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện cơ giới và vận chuyển sét gạch ngói từ khai trường đến nhà máy gạch.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung đều là nguồn phát tán hoặc di động.
Vị trí phát sinh: thuộc khu vực mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2 tại ấp Hiệp Lộc, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường



B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo hành máy móc thiết bị tại mỏ đúng theo quy trình về kiểm định máy móc thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



h

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 136/GPMT-STNMT ngày 30 tháng 10 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính khác	16 01 06	NH	Rắn	05
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	NH	Lỏng	50
3	Pin, ắc quy thải	19 06 05	NH	Rắn	50
4	Bao bì cứng chứa thành phần nguy hại thải bằng kim loại	18 01 02	KS	Rắn	40
5	Bao bì mềm chứa thành phần nguy hại thải	18 01 03	KS	Rắn	05
6	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	75
Tổng khối lượng					225

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Đất thải (đất phủ) với khối lượng 10.800 m³ (nguyên khai).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:



h

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên bao gồm: rác hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa, ...*), rác thải vô cơ (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, ...*) với khối lượng khoảng 570 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: 05 Thùng chứa bằng nhựa HPDE 120 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch bao quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: không có.

- Khu vực lưu chứa: bố trí 01 bãi thải tạm bên trong ranh mỏ, có diện tích 8.000m². Đất phủ được lưu chứa tại bãi thải tạm và được sử dụng để hoàn thổ lại đáy moong sau khi kết thúc khai thác.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Thùng nhựa có nắp đậy, đặt tại các vị trí phù hợp.

2.3.2. Kho lưu chứa trong nhà: không có. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân xã Định Hiệp và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Dầu Tiếng theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Định Hiệp về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã Định Hiệp nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Dầu Tiếng để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường.

h

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 136/GPMT-STNMT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường chính**

- Nội dung phương án: Cải tạo khu mỏ thành hồ chứa nước cung cấp cho mục đích tưới tiêu của khu vực và cải tạo khu vực xung quanh mỏ. Hồ chứa có diện tích 33.400 m², độ chênh so với xung quanh 22m phía Tây đến 13m phía Đông.

- Cải tạo khu vực moong khai thác (*khai trường*): Cải tạo bờ moong giạt cấp đảm bảo an toàn – kỹ thuật; đắp đê xung quanh moong khai thác; trồng cây xung quanh khu vực bờ moong; lấp đặt biển báo; san gạt mặt bằng đáy moong khai thác.

- Cải tạo khu vực xung quanh moong khai thác (*khai trường*): san lấp mặt bằng, hoàn thổ một phần khu vực phía Nam moong khai thác; san gạt, làm sạch mặt bằng; tiến hành trồng cây.

- Công tác cải tạo phục hồi khác: Cải tạo tuyến đường vận chuyển nội bộ, tuyến đường từ mỏ ra đường ĐH 715; lấp đặt cống thoát nước moong.

2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và số tiền ký quỹ

- Bảng tiến độ và khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Tên công trình	Khối lượng	Thời gian thực hiện
A	Giai đoạn 1 – Trong thời gian khai thác		
I	Các công trình đã thực hiện		
1	Trồng cây keo lá tràm xung quanh moong khai thác	1.156 cây	Đã hoàn thành
2	Lấp biển báo	6 cái	Đã hoàn thành
3	Đắp đê bao	460 m	Đã hoàn thành
II	Các công trình tiếp tục thực hiện		
1	Trồng dặm số cây chết	347 cây	Năm 2023 - kết thúc khai thác
2	Đắp đê bao	118 m	Năm 2023 - kết thúc khai thác
3	Củng cố bờ moong khai thác	301 m ³	Năm 2023 - kết thúc khai thác

4	Củng cố đê bao xung quanh moong khai thác	110 m ³	Năm 2023 - kết thúc khai thác
II	Giai đoạn 2 – Sau khi kết thúc khai thác		
1	Củng cố bờ moong khai thác	301 m ³	Năm kết thúc khai thác
2	Củng cố đê bao	110 m ³	Năm kết thúc khai thác
3	Lắp công BTCT để thoát nước ra suối Ván Tám	D 1.000mm; dài 6m	Năm kết thúc khai thác
4	Trồng cây trên đai bảo vệ đất phủ	680 cây	Năm kết thúc khai thác
5	Cải tạo diện tích bãi thải trong và hoàn thổ 1 phần diện tích moong	4.600 m ²	Năm kết thúc khai thác
6	San ủi mặt bằng trước khi trồng cây tại khu vực bãi thải trong	920 m ³	Năm kết thúc khai thác
7	Trồng cây keo lá tràm lên toàn bộ diện tích khu vực bãi thải trong	993 cây	Năm kết thúc khai thác
8	Cải tạo đường vận chuyển ngoài mỏ từ mỏ ra đường ĐH 715 + Chiều dài đường + Diện tích cải tạo	700 m 350 m ²	Năm kết thúc khai thác
9	Nạo vét các tuyến thoát nước: + Nạo vét mương nước + Nạo vét suối Ván Tám	24 m ³ 30 m ³	Năm kết thúc khai thác

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 1328/QĐ-STNMT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường là 300.933.815 đồng (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*), thực hiện ký quỹ 12 lần.

- Công ty đã thực hiện 07 lần (*trong tổng số 12 lần*) ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương với số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là: 210.798.984 đồng (*số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 191.503.339 đồng*).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 109.430.476 đồng.

- Số lần còn lại phải thực hiện ký quỹ: 5 lần.

- Số tiền ký quỹ lần 8 là 21.886.096 đồng và lần 9 đến lần thứ 12 của các năm là 21.886.095 đồng (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*).

- Thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 4207/GXN-STNMT ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác nhận Kế hoạch Bảo vệ môi trường dự án khai thác mỏ sét gạch ngói Định Hiệp 2, công suất 49.800 m³ nguyên khai/năm tại xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Thực hiện các nội dung cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian khai thác và sau khi kết thúc khai thác theo đúng tiến độ tại Phần A Phụ lục này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

4. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất các khu vực sườn tầng, bờ moong khai thác, tổ chức theo dõi giám sát thường xuyên khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng trên thì phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cho cơ quan thẩm quyền để phối hợp xử lý.

5. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, cải tạo, gia cố tuyến bờ bao và các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của cơ sở.



6

7. Trồng và chăm sóc thường xuyên cây xanh để hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan.

8. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

9. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

11. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản và đất đai,.../.